

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 271-KH/TU, ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững trong tình hình mới

Thực hiện Kế hoạch số 271-KH/TU, ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững trong tình hình mới; theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 555/TTr-SKHHCN ngày 16 tháng 4 năm 2024; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt thống nhất về tư tưởng, quan điểm và triển khai cụ thể hóa thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được xác định trong Kế hoạch số 271-KH/TU, ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tỉnh ủy gắn với kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước và nguồn lực trong việc xây dựng, thực hiện các cơ chế, chính sách một cách đồng bộ, có hiệu quả để đạt được mục tiêu đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững tỉnh Quảng Nam trong tình hình mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định trong Kế hoạch số 271-KH/TU, ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tỉnh ủy gắn với kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII.

- Tập trung nguồn lực nghiên cứu, đầu tư phát triển và ứng dụng rộng rãi công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống, tăng cường hợp tác với các tổ chức, địa phương trong nước và quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư và sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, bảo vệ môi trường góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam.

2. Yêu cầu

Các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị căn cứ chức năng nhiệm vụ tổ chức quán triệt, tuyên truyền, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 271-KH/TU, ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tỉnh ủy

và kế hoạch này; gắn với kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII; xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu, phù hợp với tình hình thực tế và chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để tập trung phát triển công nghệ sinh học phù hợp, hiệu quả, tạo đột phá trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến, y dược, môi trường xây dựng, phát triển ngành công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

- Tiếp tục nâng cao năng lực nghiên cứu, tiếp nhận, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến tiếp cận nền tảng công nghệ hiện đại thế giới, có khả năng ứng dụng sản xuất quy mô công nghiệp, thúc đẩy ngành công nghiệp sinh học phát triển mạnh mẽ. Doanh nghiệp công nghiệp sinh học tăng trên 50% về quy mô đầu tư và quy mô tăng trưởng.

- Nền công nghệ sinh học của tỉnh đạt trình độ khá so với trung bình của cả nước, góp phần đưa nền công nghệ sinh học của nước ta đạt trình độ tiên tiến thế giới trên một số lĩnh vực quan trọng; ứng dụng công nghệ sinh học rộng rãi trong một số ngành, lĩnh vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững.

- Xây dựng nền công nghệ sinh học có nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ sở vật chất, tài chính đủ mạnh đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

- Công nghiệp sinh học trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng; đóng góp khoảng 7% vào GRDP của tỉnh; bảo đảm nhu cầu thiết yếu của xã hội.

- Xây dựng 01 Trung tâm công nghệ sinh học cấp tỉnh nhằm gắn nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sinh học, phục vụ bảo tồn các giống cây trồng quý hiếm của tỉnh, sản xuất nông nghiệp hàng hóa, sản xuất nông sản an toàn phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

b) Tầm nhìn đến năm 2045

Phần đầu đưa tỉnh Quảng Nam thành tỉnh có nền công nghệ sinh học phát triển trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên; khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo về công nghệ sinh học thuộc nhóm dẫn đầu khu vực miền Trung - Tây Nguyên công nghiệp sinh học đóng góp khoảng 10-15% vào GRDP của tỉnh.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nhằm thống nhất nhận thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 271-KH/TU, ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Tỉnh ủy gắn với kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII đến đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với công tác phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới. Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học là một nội dung, nhiệm vụ được xác định trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các Sở, Ban, ngành, địa phương, xem đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, một nội dung, nhiệm vụ, giải pháp đột phá góp phần tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ và nâng cao sức khỏe, đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện công tác truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Hệ thống báo chí, tuyên truyền chú trọng giới thiệu thành tựu công nghệ sinh học trong nước, thế giới; chủ động tuyên truyền các tập thể, cá nhân điển hình trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động hiệu quả.

2. Triển khai thực hiện và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học đảm bảo các quy định pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; tạo điều kiện nhằm thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học; bảo đảm an toàn sinh học

- Có chính sách ưu đãi, phù hợp để phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học có giá trị cao trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, quốc phòng, an ninh, sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường như: các chế phẩm xử lý chất thải trong công nghiệp và sinh hoạt, sản phẩm xử lý chất thải y tế, thiết bị, dây chuyền thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; khuyến khích đầu tư, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học đối với vùng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, miền núi, biên giới, hải đảo; khuyến

khích xuất khẩu sản phẩm công nghệ sinh học; đào tạo, phát hiện, sử dụng nguồn nhân lực công nghệ sinh học.

- Xây dựng cơ chế bảo đảm môi liên kết, gắn bó giữa các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học; xây dựng, triển khai các kế hoạch, dự án, đề án để thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp chuẩn hoá sản phẩm và dịch vụ, xây dựng các tiêu chuẩn cơ sở và tích cực tham gia hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm công nghệ sinh học.

3. Tập trung triển khai các nhiệm vụ phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống; phát triển công nghệ sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng

a) Công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp:

- Phát triển công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có giá trị gia tăng lớn, nâng cao trình độ thâm canh, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp. Ứng dụng có hiệu quả công nghệ sinh học trong lai tạo, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi chủ lực, chất lượng cao, chống chịu sâu, bệnh, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, điều kiện đất đai tại địa phương, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; tập trung vào nhóm cây lương thực, một số cây ăn quả, cây công nghiệp bản địa, cây lâm nghiệp, các loài hoa, cây cảnh có giá trị, gia súc, gia cầm, thủy hải sản; công nghệ sinh học trong bảo quản nông sản, thủy, hải sản nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm sau thu hoạch.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong việc tạo và nhân giống các loại nấm ăn, nấm dược liệu, đáp ứng sản xuất nấm thương phẩm phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu. Ứng dụng các chế phẩm sinh học như vaccine, chế phẩm phòng trừ sâu, bệnh, chế phẩm vi sinh, phân bón vi sinh trong việc bảo vệ và thâm canh cây trồng, vật nuôi.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học trong kiểm soát dịch bệnh thủy sản và các dư lượng chất độc hại. Sử dụng các ứng dụng bộ sinh phẩm (KIT) chẩn đoán một số bệnh của cây trồng, vật nuôi; mở rộng việc ứng dụng công nghệ sinh học ở mức độ sinh học phân tử để kiểm tra bệnh ở tôm. Ứng dụng bộ sinh phẩm (KIT) phát hiện nhanh, kiểm định, đánh giá chất lượng con giống vật nuôi; kiểm soát dư lượng các chất cấm trong thực phẩm có nguồn gốc từ vật nuôi; kiểm định, đánh giá an toàn và chất lượng thực phẩm từ vật nuôi.

- Thử nghiệm nuôi cấy mô các cây có hợp chất tự nhiên có giá trị ở Quảng Nam (hợp chất saponin, tinh dầu...) để nhân giống phục vụ việc trồng và tiến tới chế biến, chiết xuất các hợp chất tự nhiên có giá trị.

- Phối hợp với Bộ Y tế hình thành Trung tâm công nghiệp dược liệu tại Quảng Nam.

b) Công nghệ sinh học trong y dược

- Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học trong chẩn đoán và điều trị bệnh. Từng bước ứng dụng liệu pháp gen, công nghệ tế bào vào điều trị các bệnh hiểm nghèo. Thử nghiệm và triển khai nuôi cấy mô tế bào da để cấy ghép da trong các trường hợp chữa bệnh cần thiết.

- Ứng dụng một số loại thuốc phục vụ phòng và chữa bệnh được sản xuất từ các nguồn nguyên liệu có nguồn gốc từ protein tái tổ hợp. Sản xuất một số vitamin, axit amin, men tiêu hóa, các chế phẩm y sinh từ thảo dược bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

c) Công nghệ sinh học trong chế biến

- Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ vi sinh trong công nghiệp chế biến các sản phẩm nông sản. Nghiên cứu sử dụng các chủng vi sinh vật, enzyme vào chế biến thực phẩm; cải tiến và nâng cao chất lượng các sản phẩm, nhất là các sản phẩm làng nghề.

- Đẩy mạnh và phát triển công nghệ enzyme, protein trong bảo quản và chế biến nông - lâm - thủy sản. Dùng kỹ thuật di truyền để cải tiến các loại vi sinh vật, tạo ra các chủng vi sinh vật mới có năng suất sinh học cao, ứng dụng trong sản xuất công nghiệp (như sản xuất nước uống lên men, lên men thực phẩm...).

- Sản xuất các hợp chất tự nhiên bằng công nghệ sinh học trên cơ sở nguồn nguyên liệu có sẵn, đặc sản của Quảng Nam; chế biến các loại dược liệu phục vụ xây dựng và phát triển Trung tâm công nghiệp dược liệu tại Quảng Nam.

d) Công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Ứng dụng các chế phẩm sinh học cho công tác xử lý nước phục vụ nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả cao, chất lượng tốt; xử lý môi trường nước, rác thải, không khí tại các khu công nghiệp, khu đô thị, các làng nghề, các trại chế biến nông sản, chăn nuôi, các bệnh viện.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong khắc phục suy thoái và sự cố môi trường.

đ) Tập trung xây dựng ngành công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng phục vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

- Sớm quy hoạch phát triển công nghiệp sinh học, khai thác tối đa lợi thế vùng nhằm sản xuất các sản phẩm chủ lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; liên

kết các doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm công nghệ sinh học.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ sinh học nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới, sở hữu trí tuệ; nghiên cứu sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học quy mô công nghiệp; xây dựng thương hiệu, thương mại hóa sản phẩm; khai thác, sử dụng hiệu quả các phát minh, sáng chế công nghệ sinh học có giá trị cao của thế giới, ứng dụng hiệu quả trong công nghiệp sinh học.

- Ứng dụng công nghệ sinh học cho công tác xử lý nước phục vụ nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả cao, chất lượng tốt; công nghệ sinh học trong xử lý nước thải, chất thải rắn, khí thải đối với các cơ sở, sản xuất, kinh doanh hoạt động tại các khu, cụm, công nghiệp, khu đô thị, làng nghề, cơ sở chế biến nông sản, trang trại chăn nuôi, cơ sở y tế; công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản sử dụng hóa chất độc hại và xử lý chất thải.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực cải tạo, phục hồi các hệ sinh thái, các vùng đất bị ô nhiễm; quan trắc môi trường, sản xuất các chế phẩm, sản phẩm thân thiện môi trường; lưu giữ, bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên đa dạng sinh học và nguồn gen quý hiếm.

- Chủ động ứng phó tình huống khủng bố bằng tác nhân sinh học, chiến tranh sử dụng vũ khí sinh học; xử lý chất độc hóa học; bảo đảm an ninh sinh học trong nghiên cứu, sản xuất, làm chủ công nghệ sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học đặc thù phục vụ quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

4. Xây dựng và phát triển nguồn lực

- Xây dựng 01 Trung tâm công nghệ sinh học cấp tỉnh đạt chuẩn nhằm gắn nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sinh học phục vụ bảo tồn các giống cây trồng quý hiếm của tỉnh, sản xuất nông nghiệp hàng hóa, sản xuất nông sản an toàn phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Tiếp tục kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, trong đó ưu tiên triển khai các nhiệm vụ tiếp nhận và ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học trong thực tiễn sản xuất và đời sống.

- Chú trọng xây dựng đội ngũ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ sinh học. Đào tạo, nâng cao năng lực, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, viên chức ngành khoa học và công nghệ, các trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) thông qua Chương trình hợp tác của tỉnh Quảng Nam với các Viện, trường trong cả nước và trên thế giới. Hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển đạt trình độ cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Có chính sách hỗ trợ, thu hút phù hợp đối với học sinh, sinh viên tài năng chọn học các ngành thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học và các lĩnh vực liên quan

- Tập trung đầu tư phát triển và hiện đại hoá công nghệ sinh học trong y tế, chăm sóc sức khỏe, công nghiệp chế biến, canh tác nông - lâm - ngư nghiệp, y tế, vật liệu mới, đảm bảo an toàn sinh học và thực phẩm. Ưu tiên ngân sách nhà nước để đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu làm chủ công nghệ lõi, phát triển công nghệ và sản phẩm mới phục vụ con người, bảo tồn và phát huy tài nguyên sinh học, phục vụ đặc lực chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hỗ trợ, hình thành và phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học - công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học. Hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ, thiết bị nhằm sản xuất sản phẩm công nghệ đạt trình độ ngày càng cao; nâng cao năng lực của các cơ sở nghiên cứu công nghệ sinh học lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

5. Đẩy mạnh hợp tác trong nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo và trao đổi nhân lực công nghệ sinh học có trình độ cao; quan tâm nghiên cứu, tiếp thu, nhận chuyển giao công nghệ mới, công nghệ có giá trị cao của quốc tế. Hợp tác với các địa phương/quốc gia có trình độ công nghệ sinh học phát triển để nghiên cứu mô hình phát triển kinh tế sinh học, quản lý tài nguyên, quản lý kinh tế - xã hội bền vững.

- Xây dựng mối quan hệ tốt với các Viện nghiên cứu, Trường đại học và các doanh nghiệp, khu vực tư nhân để thúc đẩy đổi mới và hỗ trợ phát triển sản phẩm, dịch vụ mới. Tạo văn hóa hợp tác để kết nối mật thiết các bên liên quan trong hệ sinh thái công nghệ sinh học và kinh tế sinh học.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước (bao gồm nguồn vốn đầu tư phát triển và nguồn chi thường xuyên của ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương) bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo khả năng ngân sách, quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công.

2. Kinh phí từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Huy động các nguồn lực ngoài ngân sách để phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh:

- Coi trọng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI và vốn tài trợ, vốn vay ưu đãi song phương và đa phương ODA; nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp; nguồn vốn đầu tư của người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- Khuyến khích nguồn vốn tự đầu tư của các doanh nghiệp hoặc đầu tư theo hình thức công - tư để phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ nội dung thực hiện và nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và lãnh đạo các đơn vị, cơ quan có liên quan có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai phù hợp theo chức năng, nhiệm vụ được phân công hoặc lồng ghép vào các chương trình, nhiệm vụ công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nhằm thống nhất nhận thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh (*thông qua Sở Khoa học và Công nghệ*) trước ngày 30/11 hàng năm, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các Sở, Ban ngành liên quan triển khai các nội dung về ứng dụng công nghệ sinh học, xây dựng và phát triển nguồn lực, hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp; xúc tiến ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp như sản xuất giống chất lượng cao, chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ hình thành và phát triển Trung tâm công nghệ dược liệu tại Quảng Nam nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa sản phẩm nông nghiệp. Tuyên truyền thông tin các kiến thức, thành tựu khoa học công nghệ mới về công nghệ sinh học, các kết quả nổi bật của công nghệ sinh học trong chăn nuôi, thú y; Phổ biến, hướng dẫn người chăn nuôi ứng dụng các tiến bộ, kỹ thuật công nghệ sinh học trong chăn nuôi; Hỗ trợ ứng dụng công nghệ sinh học cho các tổ chức, cá nhân chăn nuôi; Hỗ trợ thực hiện thí điểm mô chăn nuôi hữu cơ.

b) Sở Y tế chủ trì, phối hợp các Sở, Ban ngành liên quan triển khai các nội dung về ứng dụng, xây dựng và phát triển nguồn lực, hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học trong lĩnh vực y, dược. Đầu tư, phát triển Trung tâm kiểm soát bệnh tật của tỉnh đáp ứng cơ sở ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực y tế, điều trị và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan và các địa phương triển khai các nội dung về ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; phối hợp trong việc huy động các nguồn lực, hợp tác quốc tế về nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

d) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các Sở, Ban ngành liên quan triển khai các nội dung về ứng dụng công nghệ sinh học. Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ sinh học trong việc xây dựng hình ảnh, tổ chức các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại các sản phẩm hàng hóa được tạo ra từ

các doanh nghiệp công nghiệp sinh học để đẩy nhanh sản phẩm tiêu thụ trong thị trường nội địa và xuất khẩu. Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp sinh học tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, liên kết, mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm công nghệ sinh học tại thị trường trong nước và thế giới.

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam và các Sở, Ban ngành có liên quan ưu tiên thu hút và xúc tiến các dự án đầu tư lĩnh vực công nghiệp sinh học trên địa bàn tỉnh; tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh nhằm ưu đãi, hỗ trợ để phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường như: các chế phẩm xử lý chất thải trong công nghiệp và sinh hoạt, sản phẩm xử lý chất thải y tế, thiết bị, dây chuyền thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường,...

e) UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, Ban ngành khác có liên quan đưa nội dung phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào nội dung, nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, ngành, lĩnh vực hằng năm, xem đây là một nội dung, nhiệm vụ, giải pháp đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành, lĩnh vực.

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nội dung Kế hoạch; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ phục vụ ứng dụng rộng rãi và hiệu quả công nghệ sinh học vào thực tiễn và đời sống; tham mưu tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ nhằm thực hiện quy hoạch, các nhiệm vụ, chương trình phát triển khoa học và công nghệ trên lĩnh vực công nghệ sinh học như xây dựng Phòng/Trung tâm kiểm nghiệm chất lượng sâm Ngọc Linh và dược liệu; Trung tâm công nghệ sinh học tỉnh,... Đồng thời, làm đầu mối tổng hợp báo cáo, đề xuất, tham mưu, trình UBND tỉnh để chỉ đạo triển khai thực hiện. Thực hiện sơ kết đánh giá theo định kỳ 05 năm/lần về việc triển khai Kế hoạch, trên cơ sở đó có giải pháp, phương án bổ sung điều chỉnh nội dung, nhiệm vụ Kế hoạch phù hợp với thực tiễn.

3. Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo phân cấp, khả năng cân đối ngân sách, quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn đảm bảo chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển của tỉnh để thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển thuộc Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 271-KH/TU, ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững trong tình hình mới, yêu cầu các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc thì phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trường ĐH QN, trường CĐ Quảng Nam;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, KTN, KGVX.



Hồ Quang Bửu